

Số: 22/BC-THPT QT

Hải Phòng, Ngày 08 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Điều lệ trường THCS, THPT và phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Thông tư số 12/2011/TTBGD&ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng.

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy Nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 Hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và các văn bản liên quan khác.

Căn cứ Thông tư số 13/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. (Gọi tắt là Thông tư 09).

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp giữa Ban đại diện CMHS với lãnh đạo nhà trường ngày 5/8/2025 thảo luận, thống nhất công tác chuẩn bị năm học 2025-2026.

Trường THPT Quảng Thanh báo cáo thực hiện 3 công khai về: Chất lượng giáo dục, Cơ sở giáo dục, công khai thu chi tài chính của nhà trường năm học 2024-2025, 2025-2026 như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

Nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm học.



Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt các thực hiện tốt các nội dung công khai và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng môi trường kết nối nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá trường học theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tập trung dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Nội dung thực hiện theo điều 5 thông tư 36

Biểu mẫu thực hiện công khai trường THPT theo phụ lục 3,5,6 (thực hiện công văn 551/SGDDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở GD&ĐT Hải Phòng).

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Hội đồng trường;
- HĐGD;
- Website;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hải Yến



THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo đúng quy định			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình GDPT 2018	Theo chương trình của Bộ giáo dục - năm 2006		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội. - Gia đình kết nối với nhà trường trong công tác quản lý giáo dục học sinh. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, cầu tiến, chăm chỉ, tích cực. - Học sinh thực hiện đầy đủ các Nội quy trong nhà trường đã ban hành. 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Tổ chức các hoạt động tập thể, Ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm... Tổ chức các chủ đề: An toàn giao thông, Bạo lực học đường, Sức khỏe sinh sản vị thành niên, Phòng chống tệ nạn ma túy, phòng cháy chữa cháy,.... Tết Sum vầy - Hội chợ Xuân, chuỗi hoạt động liên nhà, Giải bóng đá nam, Chuỗi các hoạt động 			



		Về gia đình, Uống nước nhớ nguồn. ...		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đảm bảo kế hoạch giáo dục đã được cấp trên phê duyệt.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ phẩm chất năng lực theo quy định, đáp ứng đủ điều kiện lên lớp 11	Đủ phẩm chất năng lực theo quy định, đáp ứng đủ điều kiện lên lớp 12	Đáp ứng thi Tốt nghiệp đỗ trên 98%, đỗ đại học ít nhất 25%

Thụy Nguyên, ngày 8 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hải Yến



THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011) và thông tư 22/ 2021/ TT-BGDĐT ngày 20/7/2021				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	602	245	189	168
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	76.08	64.49	75.13	94.05
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	20.10	28.98	21.16	5.95
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3.82	6.0	3.70	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)				

II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	602	245	189	168
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	14.12	5.71	11.64	29.17
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	83.39	88.16	88.36	70.83
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2.49	6.12		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)				



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100.00	100.00	100.00	100.00
1.1	áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo				

	Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011				
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13.62	5.71	11.64	27.38
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)				
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)				
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.66		1.58	0.59
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0.33	0.40	0.52	
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3.98	6.53	1.58	2.97
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp thành phố				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	167			167
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	166			166



1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	27			16.08
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	386/216	153/92	118/71	115/53
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0

Thủy Nguyên, ngày 15 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Hải Yến



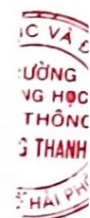
THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	19	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	19	1,8
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	3	0,26
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	19	1.8
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5380	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	19	50
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	3	70
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	70
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	1	30
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 12	135	
1.2	Khối lớp 11	125	



1.3	Khối lớp 10	115	
1.4	Khối lớp ...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp ...	-	
2.2	Khối lớp ...	-	
2.3	Khối lớp ...	-	
2.4	Khối lớp ...	-	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	17	1
2	Cát xét		0
3	Đầu Video/dầu đĩa		0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		0
5	Thiết bị khác...	17	17
6		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	17	17/17
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/dầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	17	17
..		



	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	-

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	-	-	-
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	24m ²	3	45m ²	3	90m ²	3	90m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Thụy Nguyên, ngày 8 tháng 8 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hải Yến

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2025 - 2026

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	36	0	1	30	2		3							0	0
I	Giáo viên	31	0	2	30								17	17	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Toán	4	0	1	3									2	2	0
2	Lý	1	0	0	1								1	0	0	0
3	Hóa	1	0	0	1								0	1	0	0
4	Văn	4	0	1	4								1	3	0	0
5	Sử	4	0	0	4								3	1	0	0
6	Địa	3	0	0	3								1	2	0	0
7	Sinh	2	0	0	2								0	1	0	0
8	Anh	3	0	0	3								1	1	0	0
9	Công Nghệ	1	0	0	1								1	0	0	0
10	GDKT&PL	3	0	0	3								3	1	0	0
12	GDTC	3	0	0	3								2	1	0	0
13	GDQPAN	1	0	0	1								0	1	0	0
14	Tin	1	0	0	1								1	0	0	0
15	Âm Nhạc	0	0	0	0								0	0	0	0
16	Mỹ Thuật	0	0	0	0								0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	2								2	1	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1								1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2								0	2	0	0
III	Nhân viên	5	0	0	1											
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1										
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1											
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0										
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0										
5	Nhân viên thư viện	0	0	0	0	0										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0											
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0	0											
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0											
9	Bảo vệ	2	0	0	0		2									
10	Nhân viên lao công	1	0	0	0		1									



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hải Yến

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2025-2026 và 02 năm tiếp theo

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Năm 2025	GV	1	Nâng cao trình độ chuyên môn	Vừa học vừa làm	Thạc sĩ Toán học
Năm 2026	GV	0	Nâng cao trình độ chuyên môn	Vừa học vừa làm	Thạc sĩ
2027	Cán bộ Quản lí	1	Nâng cao trình độ lí luận chính trị nhận thức về Đảng	Vừa học vừa làm	Trung cấp lí luận chính trị

Thụy Nguyên, ngày 8 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hải Yến